

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 24- 5- 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Mút

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST– HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST – HNGĐ ngày 12/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 155/1 ấp АД, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Phạm Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Trung D, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 155/1 ấp АД, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Vào năm 2005 chị và anh Trần Trung D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/8/2005. Trong thời gian sống anh, chị có 01 con chung tên Trần Thị Kim C1, sinh ngày 18/12/2002 hiện con chung đã trưởng thành .

Về tài sản chung: vợ chồng có sở hữu phần đất có diện tích 5.000m² đất nuôi tôm nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 ngôi nhà cột đúc, vách lá, lợp tol, hiện nay tài sản do anh D đang trực tiếp quản lý sử dụng. Chị và anh D vợ chồng không có nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống anh D thường xuyên đánh đập chị, chị đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh D hứa khắc phục nên chị đã rút đơn lại, gia đình hai bên tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy anh, chị có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trung D. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Tên Trần Thị Kim C1, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Trung D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Trần Trung D vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Trung D hiện có sinh sống tại số 155/1 ấp AD, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Phạm Thị C có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Trần Trung D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/8/2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị C, anh D được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị C xin ly hôn với anh D là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D thường xuyên đánh đập chị. Xét thấy: Hiện nay chị C, anh D không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác anh D biết rõ việc chị C xin ly hôn với anh, Tòa án đã tạo điều kiện để chị C, anh D hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị C, anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[5] Do chị Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: Chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D có 01 con chung tên Trần Thị Kim C1, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung Chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Phạm Thị C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Phạm Thị C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị C. Chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Trần Trung D. Chị Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D có 01 con chung tên Trần Thị Kim C1, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung Chị Phạm Thị C và anh Trần Trung D tự thỏa thuận không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị C trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005645 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận, huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

